



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

EXIT VISA # _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NHU' HIEP
Last Middle First

Current Address: 25/35 Bui Chu - Q4 - Hochiminh City

Date of Birth: 04.24.1940 Place of Birth: Bac Ninh

Previous Occupation (before 1975) - Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.24.75 To 04.27.1981
Years: 05 Months: 00 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN. NHU. HUNG
Name

0 Address and Telephone Number 1

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

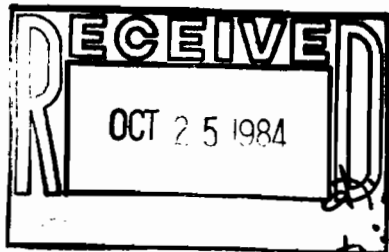
Đã vô cẩu
v/2/18h
Đầu

Trần Lữ: con
chợ hồ sơ về

Oct. 25, 84
m.l.

Kính gửi

Hội Gia-Đình Tự-Nhân Christus-Trị Việt-Nam



Tôi tên là Nguyễn Như Hùng

Địa chỉ:

Điện thoại số:

Trân trọng kính chào quý Hội ghi vào danh sách và chuyển lên Christus phu Hoa-tý để theo dõi và can thiệp sớm đối với Việt Nam cho em tôi là:

Cải tạo viên: NGUYỄN - NHƯ - HIỆP

Sinh ngày: 24 tháng 4 năm 1940

tại: Bắc Ninh, Việt-Nam

Địa chỉ tạm hiện nay ở VN: 25/35 Bui Chu, quận I, t/p Hồ Chí Minh, V.N.

Số quân: 60/130.449

Cấp bậc trước 1975: Đại úy

Thời gian cải tạo: từ 24 tháng 7, 1975 đến 27/4/1981

Đã từng tu nghiệp tại Hoa Kỳ năm 1969.

Gia đình cải tạo viên gồm có vợ (nhân viên sở Mỹ cũ) và 2 con.

Hồ sơ đính kèm:

- 1/ 1 bản sao worksheet IV 039135
- 2/ 1 bản sao giấy ra trại
- 3/ 1 diplomat của US Army Signal School
- 4/ 2 bản sao giấy chứng nhận nhân viên sở Mỹ cũ của người vợ là Dương Tú Liên.

Trân thành thiết cảm ơn.

Santa Clara ngày 22 Oct 1984

Nguyễn Như Hùng

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPR ID = SIR
RUN DATE: 07/28/82
PAGE NO. 458

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 039135

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN NHU HIEP

Other names used:

Sex: M DOB: (mmddyy) 04/24/40 COB: VN

Address in Vietnam:

25/35 BUI CHU, Q.1
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I Name: NGUYEN NHU HUNG

I DOB: (mmddyy) / / COB:

I Address:

I Telephone (Home): / / (Business): / /

I Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex M/F	DOB MM DD YY	Rel. PA	COB	FALCON			Documentation			PHOTO	OTHER
					MM DD YY	BC	BCT	MC	MCT	GVN		
1. NGUYEN NHU HIEP	M	04 24 40	PA	VN								
2. DUONG TU LIEN	F	11 03 48	MI	VN								
3. NGUYEN NHU TU HANH	F	03 28 72	DA	VN								
4. NGUYEN NHU HUY	M	12 18 73	SO	VN								
5.												
6.												
7.												
8.												
9.												
10.												
11.												
12.												
13.												
14.												

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbols: II Priority Date: 03/21/80 Rel Sponsor to PA: BR I 2 130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO OTHER

VEWL #: SRV #: JMLT

USG Empl/Training (Cat 2):

Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC):

GVN/RVNAP SVC:

US Combat AND:

Refd Camp:

CAT 1 PKT:

PLUP:

OTHER:

CAT 2/3 PKT:

PLUP:

OTHER:

Reprint by:

ON:

LOI Sent:

NOTIFIED OF EXIT PERMIT

PERMIT #

FEEDBACK LIST

Other Actions:

Medical Probl

VOLAG NAME:

VOLAG ASSURE Sought

Recd:

V #:

MAN #:

RECONF: Sought

Recd

POSSIBLE DUPS:

REP IV #:

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức

Số 1098/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

-----000-----

SH SLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA ngày 31-5-1961 của Bộ Công An.

Thi hành án văn, quyết định tha số: 25 ngày 10 tháng 04 năm 1981
của: Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Như Hiệp

Họ, tên thường gọi:

Họ tên bí danh

Sinh ngày 24 tháng 04 năm 1940

Nơi sinh: Bắc Ninh

Nơi ĐKNKTT khi bị bắt: 25/35 Sui Chu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Can tội: Đại úy Biệt hải thuê vụ

Bị bắt ngày 24/6/1975. Án phạt: 200T.

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của:

Đã bị tống án: Lần, cộng thành năm tháng.

Đã được giảm án: Lần cộng thành năm tháng.

Nay về cư trú tại: 25/35 Sui Chu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét thái độ qua trình cải tạo:

Tư tưởng an tâm cải tạo, lao động tích cực, học tập và chấp hành nội quy của trại nghiêm.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (tính tại trại).

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)

Tiền và lương thực đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình

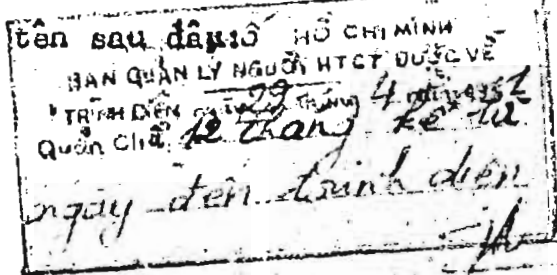
(không được ở trại trong thời gian này)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của: Nguyễn Như Hiệp

Người được cấp
giấy này

Hiệp



Ngày 27 tháng 4 năm 1981

GIÁM TRỊ



Trung tá Đoàn Mạnh

U. S.



ARMY

SIGNAL SCHOOL

SECOND LIEUTENANT NGUYEN NHU HIEP 60/130.449
ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

is awarded this

Diploma

for successful completion of

TELEPHONE AND TELETYPEWRITER OFFICER COURSE

in testimony whereof and by virtue of the authority vested
in us by the Department of the Army, we hereby affix
our signatures and the seal of the United States Army
Signal School at Fort Monmouth, New Jersey
this 18th day of JULY 19 69.

Theodore F. Schweitzer

COLONEL, SIGNAL CORPS
DIRECTOR OF INSTRUCTION

Richard C. Horne III

BRIGADIER GENERAL, USA
COMMANDANT

Esther M. Open

REGISTRAR

CONTRACT No. DAJB — 1167 — C — 0001

x New Hire
RVN ID #223748

Date 16 September 1968

Badge No. 33145

Job Classification Clerk Typist VGS-4(1) J.M: 5020 Rate 51.10 Per hour

Location: 1500	L. D.	x	Yes	No
----------------	-------	---	-----	----

Name	Badge No.
------	-----------

From	Rate	Per
------	------	-----

TO	Rate	Per
----	------	-----

Effective Date	Living Allowance	Per
----------------	------------------	-----

I certify that the person above scored 53; Test "A" and qualifies for U.S. pay.

Name _____ Badge No. _____

Job Classification	Rate	Per
--------------------	------	-----

Effective Date

DOB: 1948 (BH) Pass No. 19610

Marital Status: Single Education: High School (14 years)

Subject to 90 days probationary period.

APPROVED - ~~DISAPPROVED~~:

Ruane Mathis
DONALD S. PATTERSON
Installation Manager

Distribution:

White	Employee
Yellow	Installation Manager
Blue	P/R File
Pink	Pers. File-201

REQUESTED BY

DONALD E. PETER
Actg. Administrator

ALASKA BARGE AND TRANSPORT, INC.
CONTRACT NO. MST OT-35(X)

SEPARATION STATEMENT VIETNAMESE EMPLOYEE

WE Duong Tu Lien

VN ID NUMBER

PR# M-1145

1. The above individual was employed by Alaska Barge and Transport, Inc. as:

JOB CLASSIFICATION :	Payroll Clerk
PAY LEVEL (GRADE) :	VGS-5
GRADE STEP :	Step-3
PAY PER HOUR :	VN\$120.00 + 12.00
DATE OF HIRE :	9 October 1971

2. Employment with Alaska Barge and Transport, Inc., was officially terminated on 4 January 1973 for reasons checked below:

- a. ☒ Surplus
- b. ☐ Medical Requirement
- c. ☐ Resigned
- d. ☐ For Cause (Explain) _____
- e. ☐ Other (Explain) _____

3. The above-named individual is:

a. Eligible for rehire by AB&T: ☒ ☐

b. Eligible for rehire by other US Contractors or US Agencies under provisions of civilian manpower committee rules: ☐ Yes ☐ No.

4. The above individual has turned in:

a. AB&T ID Card # _____ Received by: _____

b. USARV ID Card # _____ Received by: _____

5. Entitlements: 8 weeks (4 hours) Maternity Leave
Two-weeks pay in lieu of notice
Pro-rated Tet bonus
Two-weeks severance pay
Accrued vacation leave if any

January 4, 1973
(Date)

Leonard Taylor
LEONARD TAYLOR
Manager, Industrial Relations

Distribution: 1. Original: Employee ☒ 2. Payroll Section ☐
3. Employee: 201 file ☐ 4. ☐

Santa Clara, 16-4-1990

KÍNH GỬI BÀ HỘI TRƯỞNG
HỘI GIA-DÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VN

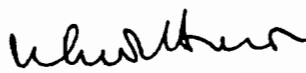
Tôi tên là NGUYỄN-NHƯ-HÙNG, đứng đơn bảo lãnh cho người
em trai là Đại Úy NGUYỄN-NHƯ-HIỆP, sinh ngày 24-04-1940,
bị giữ trong tù 6 năm
đã từng đi tu-nghịệp tại Hoa-Kỳ
và đã có tên trong danh sách tù chính-trị của hội.

Để cho đường sự xin được giấy xuất-cảnh để đăng tử chính
quyền Việt-Nam, kính xin Bà Hội-Trưởng can-thiệp với Tòa
Đại-Sứ Hoa-Kỳ tại Thái-Lan cấp cho đường-sự một tờ Giấy
Giới-Thiệu (LOI).

Sự hoạt-dộng nhân-dạo của Bà và Hội GDTNCT đã giải thoát
nhiều chiến-sĩ khỏi ngục tù CS và đem lại hạnh-phúc cho
nhiều gia-dình VN.

Trân trọng cảm ơn Bà Hội-Trưởng và kính chúc Hội đạt
được nhiều kết quả tốt đẹp.

Kính đơn



NGUYEN-NHU-HUNG

Đính kèm:

*Worksheet IV 039135

*Form I-171

*Giấy ra trại

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

CPR ID = SIR
RUN DATE: 07/28/82
PAGE NO. 459

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 039135

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN NHU HIEP

Other names used:

Sex: M DOB:(mmddyy) 04/24/40 COB: VN

Address in Vietnam:

25/35 BUI CHU, Q.1

T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN NHU HUNG

DOB:(mmddyy) 01/28/37 COB: VN

Address:

Telephone (Home)

(Business):

Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	FALCON				Documentation		PHOTO	OTHER	
					MM	DD	YY	BC	BCT	MC			MCT
1. NGUYEN NHU HIEP	M	04 24 40	PA	VN									1.
2. DUONG TU LIEN	F	11 03 48	WI	VN									2.
3. NGUYEN NHU TU HANH	F	03 28 72	DA	VN									3.
4. NGUYEN NHU HUY	M	12 19 73	SO	VN									4.
5.													5.
6.													6.
7.													7.
8.													8.
9.													9.
10													10
11													11
12													12
13													13
14													14

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbols: 11 Priority Dates: 03/21/80 Rel Sponsor to PA: BR I 130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO OTHER

VEHL #:

SRV #:

JWL:

USG Empl/Training (Cat 2): to

Pvt US Empl/Training (Cat 3 AC): to

GVN/RVNAP SVC: US Combat AND: ReEd Camps to

CAT 1 PKT: PLUP: OTHER:

CAT 2/3 PKT: PLUP: OTHER:

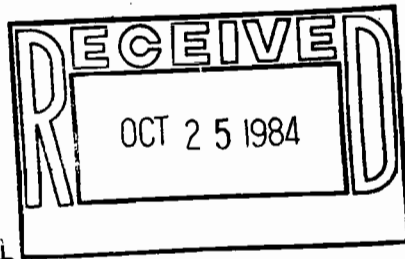
Replst by: ON: LOT Sents: NOTIFIED OF EXIT PERMIT PERMIT # FEEDBACK LIST

Other Actions: Medical Prob:

VOLAG NAME:

VOLAG ASSUR: Sought Recds V #:

Nguyen N. Hung



To: Hoi Gia Dinh Tu Nhan Chinh Tri VN.



DEFEAT
MUSCULAR DYSTROPHY
SUPPORT MDA

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 1098/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc
-----000-----

SH SLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA ngày 31-5-1961 của Bộ Công An.
Thi hành án văn, quyết định tha số: 25 ngày 10 tháng 04 năm 1961
của: Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh chị có

Tên sau đây: **HỒ CHÍ MINH**
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HƯỞNG QUYỀN CÔNG DÂN
TRIM ĐƠN **27** tháng 4 năm 1961
Quản Chi **Đ. Thanh**
ngay đến lãnh đơn

Họ, tên khai sinh: **Nguyễn Như Hiệp**

Họ, tên thường gọi:

Họ tên bí danh

Sinh ngày 24 tháng 04 năm 1940

Nơi sinh: Bắc Ninh

Nơi ĐKNCKT khi bị bắt: 25/35 Bui Chu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cán tội: Đại úy Biệt phái thu vự

Bị bắt ngày 24/6/1975. Án phạt: T.Đ.T.

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của:

Đã bị tống án: Lãn, cộng thành năm tháng.

Đã được giảm án: Lãn cộng thành năm tháng.

Nay về cư trú tại: 25/35 Bui Chu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét thái độ qua trình cải tạo:

Tư tưởng an toàn cải tạo, lao động tích cực, học tập và chấp hành nội quy của trại nghiêm.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (tính hai tháng).

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)

Tiền và lương Tháo đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình

(không được cư trú trong thời hạn)

Lãn tay ngón trái phải

Của: **Nguyễn Như Hiệp**

Người được cấp
giấy này

ngày 27 tháng 4 năm 1981

GIÁM THỊ



Trung tá Đoàn Mạnh

Hoep

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

Western Adjudication Center

P.O. Box 74016

San Jose, CA 95073

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

Hung N. Nruven

NAME OF BENEFICIARY	
NGUYEN, Hiep Nhu	
CLASSIFICATION	FILE NO.
203 a 5	I-130
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
11-21-86	01-21-87

DATE: 01-26-87

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. ☐ IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. ☐ YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. ☐ THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.

8. ☐ REMARKS.
SNJ/SB/jel

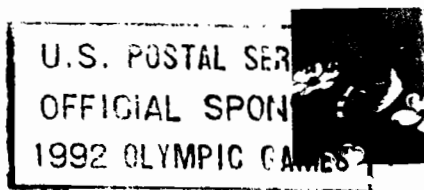
NGUYEN, Tu Hanh Nhu
NGUYEN, Huy Nhu

03-28-72 Vietnam
12-18-73 Vietnam

VERY TRULY YOURS,

[Signature]
DIRECTOR

NGUYEN N HUNG



Mrs KHUC MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON

VA 22205-0635

